

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc
“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Thanh

- Ông Lê Văn Bông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa
tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Chị Lương Thị M; Sinh năm: 1986.

2. Bị đơn: - Anh Nguyễn Văn H; Sinh năm: 1983.

Cùng địa chỉ: Thôn Xuân Ngù, xã Xuân Lạ, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 01 năm 2024 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lương Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị M và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đã thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Xuân Lạ, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 21/07/2011. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, hiện nay chị M, anh H người nào biết người đó không còn

quan tâm tới nhau, mặc dù hai bên gia đình nội, ngoại đã khuyên ngăn hai vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau để nuôi dạy các con nhưng tình hình vẫn không cải thiện, nay chị M thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Sao B, sinh ngày 04/7/2011 và Nguyễn HN, sinh ngày 23/01/2015, khi ly hôn chị M đề nghị giải quyết cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 cháu Sao B và HN và đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/1 cháu/1 tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2024 đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và công nợ: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, đơn trình bày và các biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh H đồng ý với phần nội dung trình bày và việc đăng ký kết hôn của chị Lương Thị M là đúng. Trong quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tuy nhiên anh H thấy tình cảm vẫn còn và vì con nên cùng nhau xây dựng hạnh phúc và lo cho các con, do đó anh H không đồng ý ly hôn chị M.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh H xác nhận giữa anh và chị M có các con chung như chị M trình bày là đúng. Vì không nhất trí ly hôn với chị M nên anh H không có ý kiến. Trường hợp phải ly hôn thì anh H đồng ý với yêu cầu về con chung của chị M.

- *Về tài sản chung và công nợ*: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành 02 lần phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Kết quả, chị M, anh H đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu tòa án giải quyết Tài sản chung và công nợ nhưng chị M, anh H lại không thống nhất được về hôn nhân. Do đó Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, anh H vắng mặt không có lý do lần thứ nhất nên Tòa án đã hoãn phiên tòa theo quy định và ấn định lại ngày xét xử là ngày 14/5/2024.

Tại phiên tòa:

Các bên vẫn không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án:

Nguyên đơn chị M có ý kiến:

- *Về hôn nhân*: Chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh H.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Do anh H thay đổi ý kiến về

người trực tiếp nuôi con chung nên chị M đồng ý theo đề nghị của anh H là giao cháu Nguyễn Sao B, sinh ngày 04/7/2011 cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Nguyễn HN, sinh ngày 23/1/2015, cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền qua lại thăm nom các con.

- *Về tài sản và công nợ*: Chị M không yêu cầu tòa án giải quyết

Bị đơn anh H có ý kiến:

- *Về hôn nhân*: Anh H không đồng ý ly hôn chị M về ra điều kiện: Nếu chị M viết giấy tờ giao lại tài sản là nhà và đất cho anh H thì anh H đồng ý thuận tình ly hôn, còn chị M không viết thì anh H không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh H thay đổi ý kiến về người trực tiếp nuôi con chung; anh H đề nghị giao cháu Nguyễn Sao B, sinh ngày 04/7/2011 cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Nguyễn HN, sinh ngày 23/1/2015, cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền qua lại thăm nom các con.

- *Về tài sản và công nợ*: Anh H không yêu cầu tòa án giải quyết. Tại phiên tòa anh H có ý kiến là đề nghị chị M phải viết giấy viết tay giao lại tài sản chung là đất và tài sản trên đất cho anh H thì anh H mới chấp nhận thuận tình ly hôn với chị M.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qua kiểm tra từ thời điểm thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48; Điều 198; khoản 2,3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ đều được thực hiện theo đúng quy định Điều 68 và các Điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn và hoãn phiên tòa theo đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo Điều 28, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về chuyển Thông báo thụ lý vụ án, các Quyết định đến Viện kiểm sát và tổng đạt các văn bản cho đương sự theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 175; các Điều 191, 195, 196, 199 và khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Thực hiện nguyên tắc hòa giải, phiên họp kiểm tra và giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo khoản 1, Điều 205; khoản 2 Điều 207; khoản 2 Điều 208; Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số

103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội nước CHXHCNVN.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuẩn bị xét xử đã được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 220; điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần hội đồng xét xử theo quy định tại Điều 63; Điều 227, 239, 247 và Chương II Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 và Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự như nộp các chứng cứ đầy đủ để bảo vệ quan điểm của mình theo yêu cầu khởi kiện, trình bày quan điểm của mình khách quan, dân chủ.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật:

Căn cứ khoản 2 Điều 4; khoản 1 Điều 28, 39; Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; xử cho chị Lương Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao là cháu Nguyễn Sao B cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Nguyễn HN cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh H, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom các con theo quy định không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: Chị M, anh H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Chị Lương Thị M khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Văn H. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn anh Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại thôn Xuân Ngù, xã Xuân Lạ, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án Nhân dân huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân đã thông báo thụ lý vụ án đồng thời tiến hành thu thập chứng cứ, thông báo việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kiên trì tiến hành hòa giải 02 lần nhưng các bên vẫn không thống nhất được quan điểm giải quyết toàn bộ vụ án. Vì vậy Tòa án có quyền Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, nhưng bị đơn anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2024 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 14 tháng 5 năm 2024 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- *Về hôn nhân:* Nguyên đơn chị Lương Thị M và bị đơn anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 21/7/2011 tại UBND xã Xuân Lạ, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không thông cảm cho nhau. Nay chị M xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, tại phiên tòa chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Thu thập chứng cứ tại địa phương phản ánh: Quá trình anh H và chị M sinh sống tại địa phương vợ chồng có sảy ra mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh H đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, cho chị được ly hôn anh H là có căn cứ.

- *Về con chung:* Vợ chồng công nhận có 02 con chung tên các cháu là Nguyễn Sao B, sinh ngày 04/7/2011 và Nguyễn HN, sinh ngày 23/01/2015. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn thống nhất giao 02 cháu Sao B và HN cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh H thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 1.500.000đ/1 cháu/1 tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2024 đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành; Nguyên vọng của 02 cháu là được ở với chị M. Tại phiên tòa hôm nay anh H thay đổi yêu cầu: Đề nghị giao cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu HN còn chị M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Sao B, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền qua lại thăm nom các con không ai được ngăn cấm, cản trở; chị M đồng ý với yêu cầu của anh H. Xét thấy sự thỏa thuận của anh H và chị M là phù hợp, anh H, chị M đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục các con nên chấp nhận sự thỏa thuận của anh H và chị M.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Tại phiên tòa bị đơn đưa ra điều kiện đề nghị chị M viết giấy để giao lại tài sản là nhà và đất thì mới chấp nhận thuận tình ly hôn; Trong quá trình giải quyết vụ án anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ, tại phiên Tòa anh H không có đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung và cũng không cung cấp các tài liệu chứng cứ về tài sản chung cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét. Do đó, sau khi ly hôn, nếu các bên có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác để yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- *Về quyền kháng cáo*: Chị M và anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 69,70,71,72, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271, 273 và 278 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị M.

Chị Lương Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Sao B, sinh ngày 04/7/2011 cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Nguyễn HN, sinh ngày 23/01/2015 cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh H, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền qua lại thăm nom các con không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Nguyên đơn chị Lương Thị M và bị đơn anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu các bên có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác để yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Chị Lương Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị M đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0006337 ngày 23/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Thường Xuân, số tiền này được trừ vào số tiền án phí phải nộp, theo đó chị Lương Thị M đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lương Thị M, anh Nguyễn Văn H có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thường Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Xuân lẹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Long